

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KONTUM  
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 133/2020/HS-ST.

Ngày: 01/12/2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hồng Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông A Brúk và ông Nguyễn Thanh Phúc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông A Dáo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 129/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

**A D.** Tên gọi khác: Không. Sinh năm 2001, tại Kon Tum. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, Phường Q, TP K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A D1, sinh năm: 1960 và bà Y C, sinh năm: 1960 cùng trú tại: thôn P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Tiền sự: không; tiền án: không; Ngày 09/07/2020 bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. *(Có mặt)*.

***- Người bị hại:*** Công ty TNHH T.

Địa chỉ: Số nhà N, đường P, phường Q, TP K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T1. Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà N, đường P, phường Q, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Anh Trần Duy T, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Số nhà N, đường H, phường Q, Thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

2. Anh A Paul K, sinh ngày 03/4/2005.

Đại diện hợp pháp của anh A Paul K: Bà Y T2- Mẹ đẻ.

Cùng nơi cư trú: Thôn P, phường Q, Thành phố K. "Đều vắng mặt".

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 06/7/2020, A D cùng với A Paul K (SN: 03/4/2005; Trú tại: Thôn P, phường Q, TP K) chơi game tại quán Imba (Đường P, TP K). Đến khoảng 02 giờ sáng thì nghỉ đi bộ về nhà. Khi cả hai đi ngang qua số nhà N, đường P, phường Q, Thành phố K thì A D nói với Paul K “*Ê nhà này bị khóa cửa vào trộm không?*” Paul K đồng ý. Sau đó A D dùng thanh sắt đã mang trước đó (dài khoảng 50 cm loại phi 14) cạy bung khóa cửa rồi cả hai đột nhập vào bên trong lục tìm tài sản để trộm cắp gồm: 02 máy tính xách tay hiệu HP (Một chiếc màu đen, một chiếc màu bạc) và dây sạc, 01 máy tính tính xách tay hiệu Dell (màu đen) và dây sạc, 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu OPPO (màu đen); 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Sony (màu xám bạc). Sau khi trộm cắp xong, A D và A Paul K đưa tất cả tài sản vừa trộm cắp được vào túi xách tay lấy tại văn phòng Công ty rồi cả hai đi bộ đến quán Game ImBa phường Q, Thành phố K cất giấu số tài sản trên. Tại đây A D đưa cho A Paul K một chiếc điện thoại màn hình cảm ứng hiệu Sony (màu xám bạc) để sử dụng. Số tài sản còn lại A D đem về nhà cất giấu.

Đến khoảng 07h cùng ngày, A D mang một chiếc máy tính xách tay hiệu Dell màu đen và dây sạc mang đến cầm cố cho Trần Duy T (Sinh năm 1984, trú tại Số nhà N, đường H, phường Q, Thành phố K, tỉnh Kon Tum) với giá 1.000.000 đồng. A D chia cho A Paul K 500.000 đồng. Cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Đến sáng ngày 8/7/2020 A D bị cơ quan CSĐT Công an thành phố K phát hiện bắt giữ và thu giữ số tài sản trộm cắp còn lại.

Tại kết luận định giá tài sản số 47/ĐG-TS ngày 08/7/2020 của Hội đồng ĐGTS-TTHS, UBND TP Kon Tum, kết luận: 01 (Một) bộ máy tính xách tay hiệu HP 840 G2 I5-5300/4G/120SSD + dây sạc tính đến thời điểm bị mất có giá trị 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); 01 (Một) bộ máy tính xách tay hiệu HP 9840 I5/4G/120SSD + dây sạc tính đến thời điểm bị mất có giá trị 5.900.000đồng; 01 (Một) bộ máy tính xách tay hiệu Dell 7250 I5-5300/8G/128SSD + dây sạc tính đến thời điểm bị mất có giá trị 5.900.000đồng; 01 (Một) chiếc túi đựng máy tính xách tay hiệu Dell màu đen tính đến thời điểm bị mất có giá trị 87.500đ (Tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng); 01 (Một) ĐTDD màn hình cảm ứng hiệu OPPO màu đen trắng tính đến thời điểm bị mất có giá trị 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng); 01 (Một) ĐTDD màn hình cảm ứng hiệu SONY màu xám bạc tính đến thời điểm bị mất có giá trị 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng);

Tổng giá trị tài sản bị mất là: 19.487.500đ.

\* Vật chứng vụ án: 01 (Một) bộ máy tính xách tay hiệu HP 840 G2 I5-5300/4G/120SSD + dây sạc; 01 (Một) bộ máy tính xách tay hiệu HP 9840 I5/4G/120SSD + dây sạc; 01 (Một) bộ máy tính xách tay hiệu Dell 7250 I5-5300/8G/128SSD + dây sạc; 01 (Một) chiếc túi đựng máy tính xách tay hiệu Dell màu đen; 01 (Một) ĐTDD màn hình cảm ứng hiệu OPPO màu đen; 01 (Một) ĐTDD màn hình cảm ứng hiệu SONY màu xám bạc; Một thanh sắt phi 14, dài

khoảng 50cm; 01 chiếc áo sơ mi loại ngắn tay (màu nâu đen); 01 chiếc mũ lưỡi trai; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Sony (màu bạc).

\* Xử lý vật chứng vụ án:

- Cơ quan CSĐT Công an Thành phố K đã ra quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T- anh Nguyễn Tiến H số vật chứng gồm: 01 (Một) máy tính xách tay hiệu HP 840 G2 I5-5300/4G/120SSD + dây sạc; 01 (Một) máy tính xách tay hiệu HP 9840 I5/4G/120SSD + dây sạc; 01 (Một) máy tính xách tay hiệu Dell 7250 I5-5300/8G/128SSD + dây sạc; 01 (Một) chiếc túi đựng máy tính xách tay hiệu Dell màu đen; 01 (Một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng hiệu OPPO màu đen; 01 (Một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng hiệu SONY màu xám bạc; 01 (Một) chiếc túi đựng máy tính xách tay hiệu Dell màu đen; 01 (Một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng hiệu OPPO màu đen; 01 (Một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng hiệu SONY màu xám bạc.

- Các vật chứng sau chờ xét xử xử lý, gồm: Một thanh sắt phi 14, dài khoảng 50cm; 01 chiếc áo sơ mi loại ngắn tay (màu nâu đen); 01 chiếc mũ lưỡi trai.

\* Trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số: 135/CT-VKSTPKT ngày 01/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo A D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ quyết định điểm truy tố đối với các bị cáo A D như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A D từ 12 đến 15 tháng tù.

Các vật chứng đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập đến nữa; các vật chứng còn lại tịch thu và tiêu hủy.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm vấn đề gì nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Qua phần xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo A D khai nhận: Vào khoảng 02 giờ ngày 07/7/2020 tại phường Q, thành phố K, A D đã rủ và A Paul K cùng đi trộm cắp tài sản, A Paul K đồng ý. Cả hai khi đi qua văn phòng Công ty TNHH T tại Số nhà N, đường P, phường Q, Thành phố K, tỉnh Kon Tum do anh Nguyễn Tiến H làm quản lý thì A D rủ A Paul K vào trộm cắp, A D đã dùng thanh sắt mang đi để cạy khóa cửa và A D với A Paul K cùng nhau lén lút đột nhập vào Công ty TNHH T chiếm đoạt tài sản của Công ty có trị giá là 19.487.500 đồng.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản lấy lời khai người làm chứng, đại diện theo ủy quyền của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo A D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đây là vụ án có tính chất phạm tội giản đơn, bị cáo A D là người khởi sự, đã rủ A Paul K thực hiện hành vi phạm tội, không có sự phân công vai trò rõ ràng nên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét đúng với mức độ tính chất hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo gây nên để quyết định, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho xã hội và đảm bảo tính giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã xúi dục A Paul K là người dưới 18 tuổi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình các tình tiết đó được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo trở thành người sống lương thiện.

Về hình phạt bổ sung: Đối với tội “Trộm cắp tài sản” còn có thể xử phạt bổ sung bằng tiền nhưng căn cứ vào lời khai tại phiên tòa và các chứng cứ, tài liệu có

trong hồ sơ vụ án thì bị cáo thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Đối với anh Trần Duy T cầm máy tính xách tay mà A D đưa anh T cầm cố nhưng anh T không biết đó là tài sản trộm cắp và đối với A Pual K là đồng phạm với A D cùng nhau đi trộm cắp tài sản nhưng tính đến ngày phạm tội thì A Pual K mới được 15 tuổi 03 tháng 03 ngày nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo là đúng quy định của pháp luật nên không đề cập đến nữa.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Duy T và Công ty TNHH T không có ai có yêu cầu gì về mặt dân sự nên không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Các vật chứng đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét giải quyết. Một thanh sắt phi 14, dài khoảng 50cm là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng; 01 chiếc áo sơ mi loại ngắn tay (màu nâu đen); 01 chiếc mũ lưỡi trai là tài sản của A D mà A D đã không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo A D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm 0 khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo A D 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 09/7/2020.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy một thanh sắt phi 14, dài khoảng 50cm; 01 chiếc áo sơ mi loại ngắn tay (màu nâu đen); 01 chiếc mũ lưỡi trai theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 26/11/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo A D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- Vụ 1 TANDTC;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra TP K;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

***Vũ Thị Hồng Dung***